

Số: 25/NQ-HĐND

Xuân Lộc, ngày 18 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về dự kiến Kế hoạch đầu tư công
năm 2026 trên địa bàn xã Xuân Lộc

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ XUÂN LỘC
KHÓA I KỲ HỌP THỨ 3

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai về kế hoạch đầu tư công năm 2026 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Xét Tờ trình số 77/TTr-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã về dự thảo Nghị quyết về dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2026 trên địa bàn xã Xuân Lộc; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất nội dung dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2026 trên địa bàn xã Xuân Lộc, cụ thể như sau:

- Tổng nguồn vốn đầu tư công năm 2026 là 91.347 triệu đồng, trong đó:**
- Nguồn vốn ngân sách tập trung là 27.549 triệu đồng.

- Nguồn vốn xỏ số kiến thiết là 18.598 triệu đồng.

- Nguồn thu sử dụng đất là 45.200 triệu đồng.

2. Danh mục dự án dự kiến trong kế hoạch đầu tư công năm 2026 gồm 63 dự án, trong đó:

a) Dự án khởi công mới: 38 dự án, cụ thể:

- 17 dự án giao thông.

- 21 dự án hạ tầng kỹ thuật (điện).

b) Dự án chuẩn bị đầu tư: 25 dự án giao thông.

** Danh mục dự án theo phụ lục I đính kèm.*

3. Giải pháp thực hiện:

3.1. Nhóm giải pháp về huy động các nguồn lực ngoài ngân sách tham gia phát triển kết cấu hạ tầng:

- Huy động, phân bổ, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực, chú trọng hợp tác công - tư trên cơ sở đầu tư công dẫn dắt, kích hoạt nguồn lực ngoài Nhà nước, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của xã. Đẩy mạnh khai thác quỹ đất hình thành từ hoạt động xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông để tái đầu tư phát triển.

- Huy động mọi nguồn lực cho đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, chỉnh trang khu dân cư. Tập trung tháo gỡ điểm nghẽn để giải ngân nhanh đối với các dự án đầu tư phát triển.

- Theo dõi, quản lý các nguồn thu từ ngân sách, nguồn thu để lại cho chi đầu tư theo quy định; huy động và vận động tổ chức, cá nhân tham gia các dự án đầu tư theo hình thức xã hội hóa.

- Nỗ lực hơn trong công tác quản lý thu, chi ngân sách nhà nước, theo dõi, đánh giá sát tình hình, diễn biến thị trường để đề ra các giải pháp tăng thu ngân sách, thu đúng, thu đủ, thực hiện chi ngân sách nhà nước tiết kiệm, hiệu quả, đúng nguồn, đúng mục đích.

- Tập trung việc thẩm định và phê duyệt, điều chỉnh hồ sơ dự án, các quy hoạch có liên quan đối với các dự án.

3.2. Nhóm các giải pháp về nâng cao công tác quản lý và hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công:

- Tăng cường tổ chức thực hiện Luật Đầu tư công, Nghị định hướng dẫn và các quy định pháp luật có liên quan. Kiên quyết siết chặt kỷ luật, kỷ cương và tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát, hậu kiểm, xử lý nghiêm vi phạm; kiểm soát chặt chẽ mục tiêu, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch, phòng, chống tham nhũng, lợi ích nhóm. Thực hành tiết kiệm, chống thất thoát, lãng phí trong đầu tư công.

- Nâng cao chất lượng công tác quản lý và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư công theo từng nguồn vốn; bảo đảm đầu tư tập trung, đồng bộ, chất lượng, tiết

kiệm, hiệu quả và khả năng cân đối nguồn lực; bảo đảm các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ và thứ tự ưu tiên bố trí vốn theo quy định.

- Đẩy mạnh triển khai thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công; đẩy nhanh tiến độ triển khai các công trình, dự án; xác định đây là một trong các nhiệm vụ chính trị trọng tâm, tập trung ưu tiên trong chỉ đạo điều hành, gắn với trách nhiệm của người đứng đầu các phòng, ban và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

- Phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo, tự lực, tự cường, không trông chờ, ỷ lại và cũng không quá thận trọng, sợ trách nhiệm; khuyến khích bảo vệ những người dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Quyết liệt, chủ động xử lý, tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn một cách kịp thời, hiệu quả theo chức năng, nhiệm vụ được giao; thực hiện cơ chế phân công, giao trách nhiệm, phối hợp rõ ràng, cụ thể về thẩm quyền, trách nhiệm giữa các cơ quan, đơn vị trong việc hoàn thiện thủ tục đầu tư dự án.

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, tiến độ thi công, tháo gỡ các khó khăn vướng mắc về đất đai, tài nguyên... Nâng cao chất lượng lập hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư, hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế kỹ thuật, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, lựa chọn nhà thầu có năng lực, chất lượng; có chế tài xử lý nghiêm khắc theo quy định pháp luật các chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân cố tình gây khó khăn, cản trở, làm chậm tiến độ giao vốn, thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công. Thay thế kịp thời những cán bộ, công chức, viên chức yếu kém về năng lực, trì trệ, gây nhiễu, phiền hà, kiên quyết xử lý các hành vi tiêu cực trong quản lý đầu tư công.

- Lập kế hoạch giải ngân chi tiết từng dự án và tuân thủ nghiêm kế hoạch theo từng tháng, quý. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hiện trường, đôn đốc các nhà thầu, tư vấn đẩy nhanh tiến độ. Phân công cụ thể lãnh đạo chịu trách nhiệm theo dõi tiến độ thực hiện; bám sát, kịp thời tháo gỡ khó khăn và chịu trách nhiệm về kết quả giải ngân của từng dự án, coi đây là căn cứ đánh giá xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm 2026.

- Thực hiện tạm ứng, thu hồi tạm ứng, nghiệm thu, thanh toán vốn đầu tư theo đúng quy định và ngay khi có khối lượng; chủ động rà soát điều chuyển vốn theo thẩm quyền giữa các dự án chậm giải ngân sang các dự án có khả năng giải ngân tốt hơn, còn thiếu vốn theo quy định.

- Quyết liệt trong công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư. Rà soát, bổ sung nguồn nhân lực thực hiện công tác kiểm kê và áp giá bồi thường các công trình, dự án. Vận động, tuyên truyền, thuyết phục người dân thuộc diện bồi thường, giải phóng mặt bằng kể cả vận động cá biệt, thực hiện chặt chẽ, đầy đủ các bước; trường hợp không chấp hành thì thực hiện cưỡng chế theo quy định. Chủ động và phối hợp chặt chẽ với Ban Quản lý dự án khu vực 07 trong quá trình thực hiện đầu tư dự án Khu tái định cư Xuân Hiệp để phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư các dự án đi qua địa phương.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã trực tiếp chỉ đạo việc tham mưu phân bổ kế hoạch vốn địa phương năm 2026 đảm bảo tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, dứt

Phụ lục I

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 NGUỒN NGÂN SÁCH XÃ

(Kèm theo Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 18/12/2025 của HĐND xã)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	TMĐT dự kiến	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian		Năm đầu tiên bố trí vốn "thực hiện dự án"	Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến năm 2025 (ngân sách xã)	Tổng số ngân sách xã	trong đó				Tính chất bố trí vốn (CTHT 2026, CTHT sau 2026, CBĐT 2026, KCM 2026)	Ghi chú
							Khởi công	Hoàn thành				NSTT	XSKT	Đất	Khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
TỔNG CỘNG				161,801							91,347	27,549	18,598	45,200	0		
I	Phân bổ chi tiết			0							0	0	0	0	0		
II	Dự kiến phân bổ cho dự án khi hoàn thiện thủ tục đầu tư			161,801							91,347	27,549	18,598	45,200	0		
I.1	Khởi công mới			122,092							89,447	27,549	16,698	45,200			
1	Giao thông	Chưa có mã	Đường Xuân Hiệp 22	18,750	Áp Tam Hiệp	1.25	2026	2027				13,000					KCM 2026
2	Giao thông	Chưa có mã	Nâng cấp, mở rộng đường Suối Đá	10,275	Áp Trung Sơn	1.37	2026	2027				7,000					KCM 2026
3	Giao thông	Chưa có mã	Nâng cấp, sửa chữa đường Thọ Trung - Bảo Quang	13,500	Áp Thọ Trung	1.80	2026	2027				7,549	1,851				KCM 2026

STT	Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	TMDT dự kiến	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian		Năm đầu tiên bố trí vốn "thực hiện dự án"	Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến năm 2025 (ngân sách xã)	Tổng số ngân sách xã	trong đó				Tính chất bố trí vốn (CTHT 2026, CTHT sau 2026, CBĐT 2026, KCM 2026)	Ghi chú
							Khởi công	Hoàn thành				NSTT	XSKT	Đất	Khác		
4	Giao thông	Chưa có mã	Nâng cấp, mở rộng đường Hiệp Hưng - Bình Minh	18,750	Áp Bình Minh 1, Áp Suối Cát 1	2.50	2026	2026					13,000		KCM 2026		
5	Giao thông	Chưa có mã	Đường ranh Suối Cát - Xuân Hiệp	32,300	Áp Việt Kiều 1, áp Việt Kiều 2, áp Bình Minh 2	3.80	2026	2027					22,000		KCM 2026		
6	Giao thông	Chưa có mã	Đường Đông Trung Lương (nhánh 1 từ tổ 10 đến tổ 12)	797	Áp Trung Lương	0.30	2026	2026					720		KCM 2026		
7	Giao thông	Chưa có mã	Đường số 14 (đoạn từ trường TH Gia Ray đến Nguyễn Thị Minh Khai)	797	Áp Gia Ray 6	0.30	2026	2026					720		KCM 2026		
8	Giao thông	Chưa có mã	Đường tổ 3 áp Trung Nghĩa	1,195	Áp Trung Nghĩa	0.45	2026	2026					1,070		KCM 2026		
9	Giao thông	Chưa có mã	Đường tổ 14 áp Trung Tín	2,390	Áp Trung Tín	0.90	2026	2027					1,900		KCM 2026		
10	Giao thông	Chưa có mã	Nâng cấp, sửa chữa đường Kinh tế nối dài áp Gia Hòa	1,726	Áp Gia Hòa	0.65	2026	2027					1,400		KCM 2026		
11	Giao thông	Chưa có mã	Nâng cấp, sửa chữa đường Cây Me	3,262	Áp Trung Sơn	1.23	2026	2026					3,000		KCM 2026		
12	Giao thông	Chưa có mã	Đường Trung Hưng - Bàu Sen (đoạn cuối)	1,726	Áp Trung Hưng	0.65	2026	2026				110	1,390		KCM 2026		
13	Giao thông	Chưa có mã	Nâng cấp, sửa chữa đường Ngô Thị Nhậm áp Gia Ray 4	664	Áp Gia Ray 4	0.25	2026	2026				600			KCM 2026		

STT	Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	TMĐT dự kiến	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian		Năm đầu tiên bố trí vốn "thực hiện dự án"	Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến năm 2025 (ngân sách xã)	Tổng số ngân sách xã	trong đó				Tính chất bố trí vốn (CTHT 2026, CTHT sau 2026, CBĐT 2026, KCM 2026)	Ghi chú
							Khởi công	Hoàn thành				NSTT	XSKT	Đất	Khác		
14	Giao thông	Chưa có mã	Nâng cấp, sửa chữa đường Cây Keo	1,594	Áp Trung Hưng	0.60	2026	2026				1,400			KCM 2026		
15	Giao thông	Chưa có mã	Nâng cấp, sửa chữa đường Đoàn Kết áp Trung Nghĩa	2,523	Áp Trung Nghĩa	0.95	2026	2026				2,000			KCM 2026		
16	Giao thông	Chưa có mã	Đường tổ 12 nối dài áp Thọ Hòa	664	Áp Thọ Hòa	0.25	2026	2026				600			KCM 2026		
17	Giao thông	Chưa có mã	Đường tổ 11 nối dài áp Thọ Hòa (đi hướng núi đất)	983	Áp Thọ Hòa	0.37	2026	2026				900			KCM 2026		
18	Hạ tầng kỹ thuật	Chưa có mã	Đường dây trung thế Tổ 6, áp Suối Cát 1	1,416	Áp Suối Cát 1	1.00	2026	2026				1,270			KCM 2026		
19	Hạ tầng kỹ thuật	Chưa có mã	Đường dây hạ thế đường Tổ 9, Tổ 11 áp Trung Lương	350	Áp Trung Lương	0.50	2026	2026				310			KCM 2026		
20	Hạ tầng kỹ thuật	Chưa có mã	Đường dây hạ thế đường Tổ 6, áp Trung Hiếu	700	Áp Trung Hiếu	1.00	2026	2026				630			KCM 2026		
21	Hạ tầng kỹ thuật	Chưa có mã	Đường dây hạ thế đường số 9 Tổ 10, áp Trung Hiếu	490	Áp Trung Hiếu	0.70	2026	2026				440			KCM 2026		
22	Hạ tầng kỹ thuật	Chưa có mã	Đường dây hạ thế áp Bình Minh 1	175	Áp Bình Minh 1	0.25	2026	2026				160			KCM 2026		
23	Hạ tầng kỹ thuật	Chưa có mã	Đường dây hạ thế đường nội đồng tập đoàn 7	350	Áp Bình Minh 1	0.50	2026	2026				310			KCM 2026		
24	Hạ tầng kỹ thuật	Chưa có mã	Đường dây hạ thế đường số 8, áp Gia Ray 1	140	Áp Gia Ray 1	0.20	2026	2026				120			KCM 2026		
25	Hạ tầng kỹ thuật	Chưa có mã	Hệ thống chiếu sáng đường Nguyễn Huệ, áp Gia Ray 5	250	Áp Gia Ray 5, Áp Gia Ray 6, Áp Gia Ray 8	0.92	2026	2026				250			KCM 2026		

STT	Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	TMDT dự kiến	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian		Năm đầu tiên bố trí vốn "thực hiện dự án"	Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến năm 2025 (ngân sách xã)	Tổng số ngân sách xã	trong đó				Tính chất bố trí vốn (CTHT 2026, CTHT sau 2026, CBĐT 2026, KCM 2026)	Ghi chú
							Khởi công	Hoàn thành				NSTT	XSKT	Đất	Khác		
I.2	Chuẩn bị đầu tư			39,709							1,900	-	1,900	-			
1	Giao thông	Chưa có mã	Đường tổ 2 ấp Thọ Lộc	930	Ấp Thọ Lộc	0.35	2027	2027					50			CBĐT 2026	
2	Giao thông	Chưa có mã	Đường tổ 12 tiếp nối tổ 10 ấp Thọ Hòa	2,576	Ấp Thọ Hòa	0.97	2027	2028					100			CBĐT 2026	
3	Giao thông	Chưa có mã	Đường tổ 18 ấp Thọ Lộc	2,523	Ấp Thọ Lộc	0.95	2027	2028					100			CBĐT 2026	
4	Giao thông	Chưa có mã	Đường tổ 4 ấp Thọ Lộc	797	Ấp Thọ Lộc	0.30	2027	2027					50			CBĐT 2026	
5	Giao thông	Chưa có mã	Nâng cấp, sửa chữa đường tổ 11 ấp Thọ Lộc	1,726	Ấp Thọ Lộc	0.65	2027	2028					100			CBĐT 2026	
6	Giao thông	Chưa có mã	Đường tổ 6 ấp Thọ Tân	1,859	Ấp Thọ Tân	0.70	2027	2028					100			CBĐT 2026	
7	Giao thông	Chưa có mã	Đường nội đồng tập đoàn 7 ấp Bình Minh 1	2,656	Ấp Bình Minh 1	1.00	2027	2028					100			CBĐT 2026	
8	Giao thông	Chưa có mã	Nâng cấp, sửa chữa đường 31, ấp Bình Minh 1	1,328	Ấp Bình Minh 1	0.50	2027	2028					100			CBĐT 2026	
9	Giao thông	Chưa có mã	Đường tổ 3 ấp Suối Cát 1 đầu nối vào đường quanh núi Chứa Chan	2,125	Ấp Suối Cát 1	0.80	2027	2028					100			CBĐT 2026	
10	Giao thông	Chưa có mã	Đường tổ 22 nối dài, ấp Suối Cát 1	531	Ấp Suối Cát 1	0.20	2027	2027					50			CBĐT 2026	
11	Giao thông	Chưa có mã	Nâng cấp, sửa chữa đường tổ 6 ấp Suối Cát 1	1,859	Ấp Suối Cát 1	0.70	2027	2028					100			CBĐT 2026	

STT	Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	TMDT dự kiến	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian		Năm đầu tiên bố trí vốn "thực hiện dự án"	Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến năm 2025 (ngân sách xã)	Tổng số ngân sách xã	trong đó				Tính chất bố trí vốn (CTHT 2026, CTHT sau 2026, CBĐT 2026, KCM 2026)	Ghi chú
							Khởi công	Hoàn thành				NSTT	XSKT	Đất	Khác		
12	Giao thông	Chưa có mã	Nâng cấp, sửa chữa đường tổ 04, 05, 07, 08 ấp Suối Cát 1	2,656	Ấp Suối Cát 1	1.00	2027	2028				100			CBĐT 2026		
13	Giao thông	Chưa có mã	Đường tổ 17 nối dài, ấp Suối Cát 1	2,656	Ấp Suối Cát 1	1.00	2027	2028				100			CBĐT 2026		
14	Giao thông	Chưa có mã	Nâng cấp, sửa chữa đường tổ 22 ấp Suối Cát 1	1,328	Ấp Suối Cát 1	0.50	2027	2027				100			CBĐT 2026		
15	Giao thông	Chưa có mã	Nâng cấp, sửa chữa đường tổ 24	1,328	Ấp Suối Cát 1	0.50	2027	2027				100			CBĐT 2026		
16	Giao thông	Chưa có mã	Nâng cấp, sửa chữa đường tổ 01	797	Ấp Suối Cát 1	0.30	2027	2027				50			CBĐT 2026		
17	Giao thông	Chưa có mã	Đường tổ 16, 17 ấp Việt Kiều 1	2,311	Ấp Việt Kiều 1	0.87	2027	2028				100			CBĐT 2026		
18	Giao thông	Chưa có mã	Nâng cấp, sửa chữa đường 12 ấp Tân Tiến	1,594	Ấp Tân Tiến	0.60	2027	2027				50			CBĐT 2026		
19	Giao thông	Chưa có mã	Nâng cấp, sửa chữa đường số 2 ấp Tân Tiến	1,222	Ấp Tân Tiến	0.46	2027	2027				50			CBĐT 2026		
20	Giao thông	Chưa có mã	Nâng cấp, sửa chữa đường số 3 ấp Tân Tiến	1,222	Ấp Tân Tiến	0.46	2027	2027				50			CBĐT 2026		
21	Giao thông	Chưa có mã	Nâng cấp, sửa chữa đường số 4 ấp Tân Tiến	1,222	Ấp Tân Tiến	0.46	2027	2027				50			CBĐT 2026		
22	Giao thông	Chưa có mã	Nâng cấp, sửa chữa đường số 5 ấp Tân Tiến	1,222	Ấp Tân Tiến	0.46	2027	2027				50			CBĐT 2026		
23	Giao thông	Chưa có mã	Nâng cấp, sửa chữa đường số 6 ấp Tân Tiến	1,222	Ấp Tân Tiến	0.46	2027	2027				50			CBĐT 2026		
24	Giao thông	Chưa có mã	Nâng cấp, sửa chữa đường số 7 ấp Tân Tiến	1,222	Ấp Tân Tiến	0.46	2027	2027				50			CBĐT 2026		

STT	Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	TMĐT dự kiến	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian		Năm đầu tiên bố trí vốn "thực hiện dự án"	Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến năm 2025 (ngân sách xã)	Tổng số ngân sách xã	trong đó				Tính chất bố trí vốn (CTHT 2026, CTHT sau 2026, CBĐT 2026, KCM 2026)	Ghi chú
							Khởi công	Hoàn thành				NSTT	XSKT	Đất	Khác		
25	Giao thông	Chưa có mã	Đường số 5 ấp Tam Hiệp (đoạn cuối)	797	Ấp Tam Hiệp	0.30	2027	2027					50			CBĐT 2026	